

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 6 - 2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Ông Lê Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh
Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 121/2022/TLST- HNGĐ
ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm
2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2022
của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị P, sinh năm 1979

Trú tại: tổ 10, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Châu Tiến T, sinh năm 1979

Trú tại: tổ 10, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(chị P, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Thái Thị
P trình bày:**

Chị và anh Châu Tiến T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn
và được UBND phường L, TP. H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết
hôn số: 22 ngày 06/4/2004.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng lẫn nhau và xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, nhưng cũng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Châu Minh P1, sinh ngày 06/12/2004 và cháu Châu Phương N, sinh ngày 09/3/2011, khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Châu Tiến T trình bày:**

Do anh còn thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung có 02 con chung như chị P trình bày là đúng, trong trường hợp phải ly hôn các cháu muốn ở với ai thì tùy các con tự chọn, anh không có ý kiến gì.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Thái Thị P được ly hôn với anh Châu Tiến T.

Về con chung: Giao hai con chung tên là Châu Minh P1, sinh ngày 06/12/2004 và cháu Châu Phương N, sinh ngày 09/3/2011 cho chị P nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Anh Châu Tiến T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị P có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị P và anh Châu Tiến T là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị P xin được ly hôn với anh T. Vì chị P cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Có 02 con chung tên là Châu Minh P1, sinh ngày 06/12/2004 và cháu Châu Phương N, sinh ngày 09/3/2011, hiện tại các cháu đang do chị P chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng, Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Tại bản tự khai của anh T cũng đề nghị Tòa án cho các con lựa chọn ở với ai cũng được và anh không có ý kiến gì. Xét thấy các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nên theo nguyện vọng của các bên giao cháu P1 và cháu N cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên, hơn nữa cháu P1 đã gần tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của các bên nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp, chị P đã nộp đủ.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Thái Thị P được ly hôn với anh Châu Tiến T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Châu Minh P1, sinh ngày 06/12/2004 và cháu Châu Phương N, sinh ngày 09/3/2011 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Châu Tiến T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004123 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị P đã nộp đủ.

6. Chị Thái Thị P và anh Châu Tiến T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Hương Long;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến